

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - VĨNH LONG
Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2025
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xuôi.

Bà Võ Thị Diễm Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh K, sinh năm: 1979 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là ấp G, xã L, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn: Bà Kiên Thị V, sinh năm: 1983 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp N, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

- Con chung của ông Trịnh Minh K và bà Kiên Thị V là cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2010 và cháu Trịnh Kim N, sinh ngày 25-11-2012 (*Cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-10-2024, bản tự khai ngày 25-02-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Minh K trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Kiên Thị V tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04-3-2010. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bên quê của ông tại tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, thời gian này tuy còn sống chung nhà nhưng chuyện ai nấy làm, không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ năm 2021, bà V bỏ về ở nhà cha mẹ ruột của bà ở huyện C, tỉnh Trà Vinh và sống ly thân với ông cho đến nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào hàn gắn lại được, nên ông khởi kiện xin được ly hôn với bà Kiên Thị V.

Về con chung: Ông và bà Kiên Thị V có 02 con chung là Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2010 và Trịnh Kim N, sinh ngày 25-11-2012, đều đang sống chung với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Kiên Thị V: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà V đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại hai bản tự khai và hai đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt cùng ngày 25-02-2025, cháu Trịnh Minh T và cháu Trịnh Kim N cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Trịnh Minh K và Kiên Thị V. Hiện nay hai cháu đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được tiếp tục sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông K, bị đơn bà V và hai con chung đều vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K: Cho ông K được ly hôn với bà Kiên Thị V; Về con chung: Giao 02 con chung là Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2010 và Trịnh Kim N, sinh ngày 25-11-2012 cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung muốn được sống chung với cha; Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông K chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, V1 đề nghị đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trịnh Minh K là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà Kiên Thị V là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng bà V đều vắng mặt không lý do; Ngày 30-7-2025, Tòa án triệu tập hợp lệ bà V đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà V vắng mặt không lý do; Ngày 05-8-2025, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà V đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà V vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy ông Trịnh Minh K và bà Kiên Thị V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04-3-2010, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2018, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Ông K cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay mà không hàn gắn lại được, do tình cảm vợ chồng không còn, nên ông K xin được ly hôn với bà V. Đối với bà Kiên Thị V, qua xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp Nguyệt Lăng B, xã B và với bà Kiên Thị Sa R (Là mẹ ruột của bà V) cho biết bà V có về sinh sống tại địa phương này với bà, bà V có biết việc ông K khởi kiện ly hôn với bà V, bà Sa R và người thân trong gia đình có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án để chuyển cho bà V như thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo Tòa án mời làm việc, nhưng do bà V bận đi làm ở xa, không xin nghỉ về được, nên không đến Tòa án được, cũng không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà V với ông K.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Ông K, bà V xác lập hôn nhân từ năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân và bỏ mặc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”. Nhưng ông K, bà V đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Theo các Biên bản xác minh ngày 03-7-2025 của Tòa án với chính quyền địa phương và người thân của bà V tại ấp N, xã B cho biết: Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa ông K, bà V thì mọi người không nắm rõ, nhưng có biết hai vợ chồng họ đã sống ly thân nhau nhiều năm nay mà không hàn gắn lại được. Tại địa phương này, ông K và bà V không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Việc ông K xin ly hôn với bà V, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Ông K có nộp bổ sung chứng cứ là văn bản có xác nhận Trưởng Ban N1 và Ủy ban nhân dân xã L Thượng ngày 03-6-2025 về việc: Sau khi kết hôn, ông K với bà V có về sinh sống bên quê của ông K tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Quá trình chung sống vợ chồng họ có hai người con chung; Tại địa phương này, vợ chồng họ không có tài sản chung, không tranh chấp nợ chung với nhau hoặc với ai.

[7] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải đoàn tụ vào các ngày 25-02-2025, 20-5-2025 để ông K, bà V có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng bà V đều vắng mặt không lý do. Thể hiện bà V không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông K. Nên ông K có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông K, bà V đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn

và cương quyết ly hôn với bà V là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho ông K được ly hôn với bà V.

[9] *Về con chung*: Ông Trịnh Minh K và bà Kiên Thị V có 02 con chung là Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2010 và Trịnh Kim N, sinh ngày 25-11-2012. Thời gian ông K, bà V sống ly thân, cả hai con chung đều do ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại các bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt cùng ngày 25-02-2025, hai con chung đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 03-7-2025 của Tòa án, bà Sa R (Mẹ ruột bà V) cho biết hai cháu ngoại nhỏ lớn sống bên quê của ông K; Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông K, bà V ly hôn thì về con chung đề nghị xem xét giải quyết theo nguyện vọng của hai cháu ngoại của bà. Do đó, cần xử cho ông K được quyền nuôi con là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung. Vì ông K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với ông Trịnh Minh K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; Đối với bà Kiên Thị V không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Ông Trịnh Minh K xác định quá trình chung sống ông và bà Kiên Thị V không nợ ai, cũng không ai nợ ông và bà V, không yêu cầu giải quyết; Đối với bà V đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của bà về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[12] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Trịnh Minh K có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trịnh Minh K được ly hôn với bà Kiên Thị V.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2010 và Trịnh Kim N, sinh ngày 25-11-2012 cho ông Trịnh Minh K nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trịnh Minh K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004684 ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 11 - Vĩnh Long;
- UBND xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo